

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC

Năm 2025

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Tài sản cố định khác		136	11.351.146	8.021.400	3.329.746	5.104.510							
1	Bàn chia cơm, thức ăn	Trường MN Thanh Trường	1	15.895		15.895	3.179							
2	Máy tính để bàn FPT 22.2	Trường MN Thanh Trường	1	14.850		14.850								
3	Máy tính để bàn giáo viên	Trường MN Thanh Trường	1	17.212		17.212								
4	Máy tính để bàn loại 2_2022	Điểm trường trung tâm	1	14.650	14.650		2.930		x					
5	Máy tính để bàn loại 2_2022	Điểm trường trung tâm	1	14.650	14.650		2.930		x					
6	Máy tính để bàn Singso	Điểm trường trung tâm	1	14.850	14.850		8.910		x					
7	Máy tính xách tay	Trường MN Thanh Trường	1	23.644		23.644								
8	Máy tính để bàn FPT 22.1	Trường MN Thanh Trường	1	14.850		14.850								
9	Máy tính xách tay	Trường MN Thanh Trường	1	23.644		23.644								
10	Máy tính xách tay loại 2_2022	Điểm trường trung tâm	1	14.750	14.750		2.950		x					
11	Máy vi tính để bàn	Trường MN Thanh Trường	1	14.946		14.946			x					
12	Máy xay thịt	Trường MN Thanh Trường	1	11.500		11.500	2.300							
13	Micro điện tử không dây	Trường MN Thanh Trường	1	14.083		14.083	2.817							
14	Năng bạch tuyết và 7 chủ lùn	Trường MN Thanh Trường	1	28.753		28.753								

QLTS VI

1

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
15	Nhà bếp C4	Trường MN Thanh Trường	15	18.784		18.784	5.245							
16	Máy tính xách tay Dell HPCM 2024	Trường mầm non Thanh Trường	1	14.500	14.900		8.940							
17	Máy Scanl Epson	Điểm trường trung tâm	1	20.000		20.000	8.000							x
18	Máy Scanl Epson	Điểm trường trung tâm	1	20.000		20.000	8.000							x
19	Máy sấy bát 2024	Điểm trường trung tâm	1	34.305	34.305		25.729		x					
20	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	42.413		42.413								
21	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	42.413		42.413								
22	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	42.413		42.413								
23	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	51.420		51.420								
24	Máy chiếu đa năng 2025	Trường mầm non Thanh Trường	1	25.220	25.220		20.176		x					
25	Máy chiếu đa năng_2022	Điểm trường trung tâm	1	34.990	34.990		6.998		x					
26	Máy chiếu đa năng_2022	Điểm trường trung tâm	1	34.990	34.990		6.998		x					
27	Máy chiếu đa năng_2022	Điểm trường trung tâm	1	34.990	34.990		6.998		x					
28	Máy chiếu đa năng_2022	Điểm trường trung tâm	1	34.990	34.990		6.998		x					
29	Máy chiếu đa năng_2022	Điểm trường trung tâm	1	34.990	34.990		6.998		x					
30	Máy chiếu phòng hội trường_2022	Điểm trường trung tâm	1	67.500	67.500		13.500		x					
31	Máy lọc nước công nghiệp 50l	Trường mầm non Thanh Trường	1	35.000	35.000		21.000		x					
32	Máy pho to 5620D	Trường MN Thanh Trường	1	57.195		57.195								
33	Máy Photocopy	Trường MN Thanh Trường	1	41.800		41.800	7.838							
34	Máy quét 2 mặt	Trường MN Thanh Trường	1	20.344		20.344	4.069		x					

QLTS VI

2

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
35	Nhà bóng D-3.5m	Trường MN Thanh Trường	1	35.585		35.585	13.344							
36	Nhà liên hoàn 2 khối cầu trượt đa năng; Liên hoàn 2 khối cá vàng 2022	Trường MN Thanh Trường	1	31.000		31.000	15.500							
37	Nhà liên hoàn ngoài trời 3 khối cầu trượt đa năng; Nhà 3 khối cá vàng cầu trượt xoắn 2022	Trường MN Thanh Trường	1	52.000		52.000	26.000							
38	Nhà mầm quay 6 con giống	Trường MN Thanh Trường	1	41.800		41.800	15.675							
39	Tivi Smart 55 inch, kết nối Wifi, có ổ cắm USB 2022.3	Trường MN Thanh Trường	1	20.900		20.900								
40	Tivi Smart 55 inch, kết nối Wifi, có ổ cắm USB 2022.4	Trường MN Thanh Trường	1	20.900		20.900								
41	Tivi Smart 55 inch, kết nối Wifi, có ổ cắm USB 2022.5	Trường MN Thanh Trường	1	20.900		20.900								
42	Tủ 24 ngăn 2017	Trường MN Thanh Trường	1	13.011		13.011								
43	Tủ cơm 2 cánh	Trường MN Thanh Trường	1	55.062		55.062								
44	Tủ cơm ga loại nấu 24kg. 2022	Trường MN Thanh Trường	1	22.000		22.000	8.250							
45	Tủ điều khiển cho máy bơm chữa cháy 2022	Trường MN Thanh Trường	1	10.600		10.600	5.300							
46	Tủ nấu cơm Inox công nghiệp	Trường MN Thanh Trường	1	25.500		25.500	12.750							
47	Tủ sấy bát 5 tầng 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	11.400		11.400	5.700							
48	Tủ tải liệu lạnh dao	Trường MN Thanh Trường	1	13.132		13.132								
49	Tủ trung tâm báo cháy 5 kênh	Trường MN Thanh Trường	1	12.000		12.000	6.000							
50	Tủ up bát đĩa	Trường MN Thanh Trường	1	13.860		13.860	1.733							
51	Vách núi leo chéo R2.9x1.5m	Trường MN Thanh Trường	1	20.460		20.460	7.673							

QLTS VI

3

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
52	Via hè, cống, hàng rào lõi vào phố 4	Điểm trường phố 4	1	1.803.105	1.803.105		901.552		x					
53	Xích đu treo	Trường MN Thanh Trường	1	26.727		26.727	5.345							
54	Tivi Smart 55 inch, kết nối Wifi, có ổ cắm USB 2022.2	Trường MN Thanh Trường	1	20.900		20.900								
55	mây chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	42.413		42.413								
56	Tivi 23	Điểm trường phố 6	1	16.400		16.400	6.560							x
57	Ti vi	Trường MN Thanh Trường	1	25.301		25.301								
58	Nồi cháo 80l 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	13.200		13.200	6.600							
59	Nồi nấu cháo công nghiệp	Trường MN Thanh Trường	1	29.548		29.548	11.081		x					
60	Nồi nấu cháo công nghiệp	Trường MN Thanh Trường	1	29.548		29.548	7.387		x					
61	Phần mềm Mi sa	Trường MN Thanh Trường	1	10.500		10.500								
62	Phần mềm QLCB 2017	Trường MN Thanh Trường	1	12.000		12.000								
63	Sân đương nội bộ điểm trường phố 4	Điểm trường phố 4	1	896.112	896.112		448.056		x					
64	Sân khấu điểm trường phố 3	Điểm trường phố 3	1	141.373	141.373		84.824		x					
65	Sân khấu ngoài trời điểm phố 4	Điểm trường phố 4	1	51.875	51.875		25.938		x					
66	Sân khấu ngoài trời điểm trường trung tâm	Trường mầm non Thanh Trường	1	198.000	198.000		178.200		x					
67	Tài sản giáo án điện soạn giáo án điện tư Avina	Trường mầm non Thanh Trường	1	20.000	20.000		4.000		x					
68	Tăng âm Loa hội trường phố 3	Điểm trường phố 3	1	10.000		10.000	2.000		x					
69	Tăng âm Loa hội trường trung tâm	Điểm trường trung tâm	1	16.500		16.500	3.300		x					
70	Tăng âm loa sân khấu ngoài trời Trung tâm	Điểm trường trung tâm	1	19.250		19.250	3.850							x

QLTS VI

4

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
71	Thang leo	Trường MN Thanh	1	16.791		16.791	3.358							
72	Thang leo thể dục đa năng D2xR1.2xC1.7m	Trường MN Thanh	1	10.175		10.175	3.816							
73	Ti vi LG 32 in	Trường MN Thanh	1	14.080		14.080	2.816							
74	Xích đu treo	Trường MN Thanh	1	26.727		26.727	5.345							
75	Máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh	5	43.435		43.435								
76	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh	1	42.413		42.413								
77	Camera 8 mắt 2_2022 (TT1)	Trường MN Thanh	1	22.000		22.000	4.813							
78	Camera phòng họp_2022	Điểm trường trung tâm	1	48.900	48.900		10.697		x					
79	Cầu trượt liên hoàn 4 khối đa năng D12.5xR7.5xC3.3m	Trường MN Thanh	1	218.460		218.460	93.626							
80	Cầu trượt liên hoàn nhà năm D5.8xR2.5xC2.5m	Trường MN Thanh	1	50.820		50.820	19.058							
81	Cầu vận động thể chất D9.5xR1.1xC1.7m	Trường MN Thanh	1	65.560		65.560	24.585							
82	Dàn nâng lượng mặt trời	Trường MN Thanh	1	29.548		29.548	11.081		x					
83	Camera 8 mắt 1_2022 (TT1)	Trường MN Thanh	1	22.000		22.000	4.813							
84	Dàn ốc gan học sinh	Trường MN Thanh	1	27.902		27.902	5.580							
85	Dàn Organ 2023	Trường mầm non Thanh	1	14.350		14.350	8.610		x					
86	Dàn Organ 2023	Trường mầm non Thanh	1	14.350		14.350	8.610		x					
87	Dàn Organ 2023	Trường mầm non Thanh	1	14.350		14.350	8.610		x					
88	Dàn Organ 2023	Trường mầm non Thanh	1	14.350		14.350	8.610		x					

QLTS.VI

5

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
89	Dàn Organ 2023	Trường mầm non Thanh	1	14.350		14.350	8.610		x					
90	Dàn Organ Yamaha 2024	Điểm trường phố 4	1	14.650	14.650		8.790		x					
91	Dàn Organ 2023	Trường mầm non Thanh	1	14.350		14.350	8.610		x					
92	Bơm Diesel 2022	Trường MN Thanh	1	121.900		121.900	60.950							
93	Bơm điện 2022	Trường MN Thanh	1	65.190		65.190	32.595							
94	Bộ vận động đa năng	Trường MN Thanh	1	94.500		94.500	18.900							
95	Bàn chia cơm, thức ăn	Trường MN Thanh	1	15.895		15.895	3.179							
96	Bàn họp 2022 (TT1)	Trường MN Thanh	1	21.500		21.500	10.750							
97	Bàn làm việc Đài loan	Trường MN Thanh	1	12.000		12.000								
98	Bạt dù 2025	Trường mầm non Thanh	1	41.145	41.145		36.002		x					
99	Bể chứa nước sạch điểm trường phố 4	Điểm trường phố 4	1	45.731	45.731		22.865		x					
100	Bể nước + Nhà máy bơm điểm trường phố 3	Điểm trường phố 3	1	150.432	150.432		90.259		x					
101	Bếp ga công nghiệp 3 họng + Bình ga 2022 (TT1)	Trường MN Thanh	1	11.800		11.800	5.900							
102	Bộ máy tính để bàn 2022 (TT1)	Trường MN Thanh	1	13.500		13.500	2.700							
103	Bộ máy tính để bàn 2022 (TT1)	Trường MN Thanh	1	13.500		13.500	2.700							
104	Bộ máy tính để bàn 2022 (TT1)	Trường MN Thanh	1	13.500		13.500	2.700							
105	Bộ máy tính để bàn 2022 (TT1)	Trường MN Thanh	1	13.500		13.500	2.700							
106	Bộ Míc đa hướng tích hợp loa_2022	Điểm trường trung tâm	1	54.900	54.900		10.980		x					

QLTS.VI

6

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
107	Bộ Mac điện tử không dây Trung tâm	Điểm trường trung tâm	1	13.250		13.250	2.650							x
108	Bộ thể chất đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	29.201		29.201								
109	Bộ thể chất số 14	Trường mầm non Thanh Trường	1	16.900	16.900		14.788		x					
110	Đầu ghi hình 16 kênh Dahua	Trường MN Thanh Trường	1	16.500		16.500								
111	Dù che	Trường MN Thanh Trường	1	41.587		41.587								
112	Du quay mâm không dây	Trường MN Thanh Trường	1	39.693		39.693	7.939							
113	Du quay mâm không dây	Trường MN Thanh Trường	1	39.693		39.693	7.939							
114	Mâm quay 4 con giống nhựa 2022	Trường MN Thanh Trường	1	13.800		13.800	5.900							
115	Màn hình theo dõi camera 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	11.300		11.300	2.260							
116	Màn hình theo dõi camera 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	11.300		11.300	2.260							
117	Màn hình trực tuyến 55inch_2022	Điểm trường trung tâm	1	15.300	15.300		3.050		x					
118	Máy chiếu 2022	Trường MN Thanh Trường	1	19.800		19.800								
119	Máy Chiếu 23	Điểm trường phố 4	1	38.200		38.200	15.280							x
120	Máy Chiếu 23 2	Điểm trường phố 6	1	38.200		38.200	15.280							x
121	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	42.413		42.413								
122	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	42.413		42.413								
123	Máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	5	43.435		43.435								
124	Máy chiếu đa năng	Trường mầm non Thanh Trường	1	30.790		30.790	18.474		x					
125	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	51.645		51.645			x					

QLTS VI

7

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
126	Máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	5	43.435		43.435								
127	Máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	5	43.435		43.435								
128	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	42.413		42.413								
129	Mái che khu vận động và khu trải nghiệm ngoài trời điểm trung tâm	Điểm trường trung tâm	1	98.000		98.000	88.200							x
130	Máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	5	43.435		43.435								
131	Loa sân khấu ngoài trời Trung tâm	Điểm trường trung tâm	2	24.640		24.640	4.928		x					
132	Loa hội trường phố 3	Điểm trường phố 3	1	24.000		24.000	4.800		x					
133	Du quay mâm không dây	Trường MN Thanh Trường	1	39.693		39.693	7.939							
134	Gara xe đạp, xe máy điểm tái định cư số 1	Điểm trường trung tâm	1	113.970	113.970		68.382		x					
135	Gara xe đạp, xe máy điểm trường phố 3	Điểm trường phố 3	1	36.997	36.997		22.198		x					
136	Gara xe đạp, xe máy điểm trường phố 4	Điểm trường phố 4	1	51.864	51.864		25.932		x					
137	Giá đa năng bằng inox 4 tầng 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	11.300		11.300	5.650							
138	Giá đa năng bằng inox 4 tầng 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	11.300		11.300	5.650							
139	Góc thiện nhiên mái nầm	Trường MN Thanh Trường	5	11.976		11.976								
140	Góc thiện nhiên mái nầm	Trường MN Thanh Trường	5	11.976		11.976								
141	Góc thiện nhiên mái nầm	Trường MN Thanh Trường	5	11.976		11.976								
142	Hàng mục phụ trợ (Cổng, hàng rào, sân đường, bồn hoa)_Điểm tái định cư số 1	Điểm trường trung tâm	1	1.125.900	1.125.900		675.540		x					

QLTS VI

8

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
143	Hạng mục phụ trợ điểm trường phố 3 (Công, hàng rào, sân bê tông, bồn hoa)	Điểm trường phố 3	1	1.592.460	1.592.460		955.476		x					
144	Hệ thống cây xanh, cảnh quan và tưới nước cây xanh phố 4	Điểm trường phố 4	1	1.166.012	1.166.012		583.006		x					
145	Hệ thống giàn ga	Trường MN Thanh Trường	1	15.220		15.220								
146	Hệ thống kết nối VNPT MegaV	Điểm trường trung tâm	1	25.000	25.000		5.000		x					
147	Khu liên hoàn cầu trượt 3 khối	Trường MN Thanh Trường	1	14.149		14.149								
148	Loa hội trường trung tâm	Điểm trường trung tâm	1	31.500		31.500	6.300		x					
149	Xích đu treo	Trường MN Thanh Trường	1	26.727		26.727	5.345							

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Phạm Thị Văn Anh

Ngày, tháng, năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)